



## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - VNSTEEL**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017  
(đã được soát xét)

A member of  International

## **NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04-05
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	06-38
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	11-38



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 01 năm 2006 và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300399360 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ mười hai ngày 13 tháng 01 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Bá Ôn	Chủ tịch
Bà Lê Văn Hồng	Thành viên
Ông Trương Bá Liêm	Thành viên
Ông Đặng Huy Hiệp	Thành viên
Ông Hồ Phi Hiệp	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đặng Huy Hiệp	Tổng Giám đốc
Ông Trương Bá Liêm	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Hoàng Lê Ánh	Trưởng ban
Bà Huỳnh Thị Lệ Nga	Thành viên
Bà Đoàn Thị Thanh Thúy	Thành viên

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - VNSTEEL**

Số 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**Đặng Huy Hiệp**

Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 07 năm 2017

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel được lập ngày 10 tháng 07 năm 2017, từ trang 06 đến trang 38, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

## Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



**Vũ Xuân Biển**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2013-002-1

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2017

Y  
HỮU HẠN  
KIỂM TOÁN  
SC  
M-TP

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>593.915.316.979</b>	<b>610.926.560.633</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>5.738.817.872</b>	<b>31.242.920.955</b>
111	1. Tiền		5.738.817.872	31.242.920.955
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>4</b>	<b>35.050.000.000</b>	<b>29.540.000.000</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh		23.000.000.000	23.000.000.000
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(14.950.000.000)	(14.260.000.000)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		27.000.000.000	20.800.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>293.392.842.406</b>	<b>233.666.364.945</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	241.453.870.933	217.491.943.945
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	37.722.620.280	4.096.220.183
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	17.980.753.608	16.865.093.367
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(3.764.402.415)	(4.786.892.550)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>9</b>	<b>253.383.259.242</b>	<b>305.885.851.741</b>
141	1. Hàng tồn kho		268.854.565.519	321.696.800.615
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(15.471.306.277)	(15.810.948.874)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>6.350.397.459</b>	<b>10.591.422.992</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	66.907.320	116.000.000
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		6.205.005.271	10.475.422.992
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	78.484.868	-
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>146.778.835.761</b>	<b>164.283.261.509</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>264.000.000</b>	<b>264.000.000</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	264.000.000	264.000.000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>35.579.428.019</b>	<b>37.591.807.927</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	29.489.719.555	31.784.904.321
222	- Nguyên giá		65.828.267.719	65.683.717.719
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(36.338.548.164)	(33.898.813.398)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	6.089.708.464	5.806.903.606
228	- Nguyên giá		7.358.050.168	6.854.050.168
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.268.341.704)	(1.047.146.562)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>12</b>	<b>101.260.678.006</b>	<b>104.286.796.822</b>
231	- Nguyên giá		145.463.787.768	145.463.787.768
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(44.203.109.762)	(41.176.990.946)
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>4</b>	<b>8.531.393.567</b>	<b>20.671.889.647</b>
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		35.079.250.000	35.079.250.000
254	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(26.547.856.433)	(26.407.360.353)
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	12.000.000.000
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>1.143.336.169</b>	<b>1.468.767.113</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	1.143.336.169	1.468.767.113
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>740.694.152.740</b>	<b>775.209.822.142</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>400.226.714.473</b>	<b>436.417.870.699</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>379.176.065.495</b>	<b>413.236.524.243</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	62.641.120.246	36.981.587.091
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.566.061.320	1.131.183.959
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	5.403.277.808	2.406.866.854
314	4. Phải trả người lao động		13.402.128.245	8.215.794.792
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	4.533.976.094	3.159.219.493
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		113.232.544	99.286.432
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	17	356.543.979	730.194.931
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	288.991.594.041	360.125.569.589
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		2.168.131.218	386.821.102
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>21.050.648.978</b>	<b>23.181.346.456</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	21.050.648.978	23.181.346.456
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>340.467.438.267</b>	<b>338.791.951.443</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>19</b>	<b>340.467.438.267</b>	<b>338.791.951.443</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		210.000.000.000	210.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		210.000.000.000	210.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		37.225.230.000	37.225.230.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		62.435.503.997	60.535.503.997
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		1.773.466.830	1.773.466.830
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		29.033.237.440	29.257.750.616
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		-	(33.398.880.990)
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		29.033.237.440	62.656.631.606
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>740.694.152.740</b>	<b>775.209.822.142</b>



Nguyễn Thị Hồng Mây  
Người lập



Võ Thị Lệ Châu  
Kế toán trưởng



Đặng Huy Hiệp  
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 07 năm 2017



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2017	2016
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	1.175.381.614.153	1.310.087.351.116
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21	467.392.210	489.264.250
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.174.914.221.943	1.309.598.086.866
11	4. Giá vốn hàng bán	22	1.109.242.613.454	1.231.422.848.595
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		65.671.608.489	78.175.238.271
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	7.785.517.387	6.973.607.093
22	7. Chi phí tài chính	24	7.191.296.268	18.804.373.303
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		5.710.104.335	13.951.577.283
25	8. Chi phí bán hàng	25	23.743.678.311	29.640.879.388
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	7.537.758.147	10.641.403.203
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		34.984.393.150	26.062.189.470
31	11. Thu nhập khác	27	442.825.638	1.549.317.398
32	12. Chi phí khác		2.634.665	11.718.596
40	13. Lợi nhuận khác		440.190.973	1.537.598.802
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		35.424.584.123	27.599.788.272
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	6.785.122.825	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>28.639.461.298</u>	<u>27.599.788.272</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	1.364	1.314



Nguyễn Thị Hồng Mây  
Người lập



Võ Thị Lệ Châu  
Kế toán trưởng




Đặng Huy Hiệp  
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 07 năm 2017

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2017	2016
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>35.424.584.123</b>	<b>27.599.788.272</b>
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		5.687.048.724	5.717.269.584
03	- Các khoản dự phòng		(531.636.652)	4.096.076.741
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		63.496.188	(5.423.780)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.561.131.722)	(2.424.985.424)
06	- Chi phí lãi vay		5.710.104.335	13.951.577.283
08	<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>44.792.464.996</b>	<b>48.934.302.676</b>
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(54.697.251.348)	(15.434.708.512)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		52.842.235.096	23.992.382.400
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		32.369.952.054	18.092.832.710
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		374.523.624	1.025.016.159
14	- Tiền lãi vay đã trả		(5.779.334.849)	(14.160.196.237)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(5.551.260.467)	(863.925.455)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.476.440.500)	(75.265.000)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>61.874.888.606</b>	<b>61.510.438.741</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(648.550.000)	(4.037.130.808)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	1.629.352.728
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(5.000.000.000)	(31.701.488.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		10.800.000.000	11.270.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.755.965.611	275.364.757
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>6.907.415.611</b>	<b>(22.563.901.323)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2017	2016
			VND	VND
<b>III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	1. Tiền thu từ đi vay		1.072.975.136.046	1.248.186.313.779
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(1.144.182.261.966)	(1.245.064.933.871)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(23.079.298.550)	(858.825)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(94.286.424.470)</b>	<b>3.120.521.083</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>(25.504.120.253)</b>	<b>42.067.058.501</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>		<b>31.242.920.955</b>	<b>20.341.953.733</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		17.170	(61.413.985)
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>3</b>	<b>5.738.817.872</b>	<b>62.347.598.249</b>



Nguyễn Thị Hồng Mây  
Người lập



Võ Thị Lệ Châu  
Kế toán trưởng



Đặng Huy Hiệp  
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 07 năm 2017

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

### 1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 01 năm 2006 và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300399360 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ mười hai ngày 13 tháng 01 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 210.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 210.000.000.000 đồng; tương đương 21.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh thương mại, dịch vụ.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.

#### Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ

6 tháng đầu năm 2017, tình hình kinh doanh tiếp tục thuận lợi, Công ty tập trung giải quyết công nợ tồn đọng, giảm công nợ phải trả và khoản vay nhằm giảm chi phí lãi vay, đồng thời đẩy mạnh hiệu quả hoạt động các bộ phận giảm chi phí bán hàng và quản lý. Do đó, tuy doanh thu giảm 10% song lợi nhuận sau thuế của Công ty đã tăng 28%.

#### Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 1	Hồ Chí Minh	Kinh doanh thương mại thép
Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 2	Hồ Chí Minh	Kinh doanh thương mại thép
Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 5	Hồ Chí Minh	Kinh doanh thương mại thép
Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 6	Hồ Chí Minh	Kinh doanh thương mại thép
Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 7	Hồ Chí Minh	Kinh doanh thương mại thép
Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 11	Hồ Chí Minh	Kinh doanh thương mại thép
Chi nhánh Miền Tây	Cần Thơ	Kinh doanh thương mại thép
Chi nhánh Công ty CP Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Kho chứa hàng	Long An	Kho chứa hàng

## **2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

### **2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### **2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### **2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và của Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

### **2.4 . Công cụ tài chính**

#### *Ghi nhận ban đầu*

##### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

##### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.



## 2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản tại ngày góp vốn hoặc Khi nhận góp vốn: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Nếu Công ty áp dụng tỷ giá thực tế là tỷ giá xấp xỉ thì tỷ giá này chênh lệch không quá 1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

## 2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

## 2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

*Chứng khoán kinh doanh* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước/hoặc phương pháp bình quân gia quyền.

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

*Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác* bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác: căn cứ vào Báo cáo tài chính của đơn vị được nhận khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư;
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

**2.8 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**2.9 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**2.10 . Tài sản cố định và Bất động sản đầu tư**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- |                                   |             |
|-----------------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc          | 05 - 30 năm |
| - Máy móc, thiết bị               | 05 - 10 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 10 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý       | 03 - 05 năm |
| - Tài sản cố định khác            | 03 - 05 năm |
| - Quyền sử dụng đất               | 20 - 50 năm |
| - Phần mềm quản lý                | 03 - 05 năm |

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- |                          |         |     |
|--------------------------|---------|-----|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 30 | năm |
| - Quyền sử dụng đất      | 05 - 30 | năm |

#### **2.11 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### **2.12 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

#### **2.13 . Vay**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

#### **2.14 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

#### **2.15 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.



**2.16 . Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền khách hàng trả trước cho dịch vụ thuê văn phòng tại địa chỉ 189 Nguyễn Thị Minh Khai và số 193 Đinh Tiên Hoàng, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh của Công ty.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

**2.17 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

**2.18 . Doanh thu**

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.



*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**2.19 . Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

**2.20 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

**2.21 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.22 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

**2.23 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Tiền mặt	704.658.912	707.612.367
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.034.158.960	30.535.308.588
	<b><u>5.738.817.872</u></b>	<b><u>31.242.920.955</u></b>

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<u>30/06/2017</u>		<u>01/01/2017</u>	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư ngắn hạn	27.000.000.000	27.000.000.000	20.800.000.000	20.800.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	27.000.000.000	27.000.000.000	20.800.000.000	20.800.000.000
Đầu tư dài hạn	-	-	12.000.000.000	12.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	12.000.000.000	12.000.000.000
	<b><u>27.000.000.000</u></b>	<b><u>27.000.000.000</u></b>	<b><u>32.800.000.000</u></b>	<b><u>32.800.000.000</u></b>

(\*) Tại 30/06/2017, Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm khoản tiền gửi có kỳ hạn 18 tháng có giá trị 12.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Phương Đông với lãi suất 6,82 %/năm và các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ trên 03 tháng đến dưới 12 tháng có giá trị 15.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Hồ Chí Minh với lãi suất từ 5,5%/năm đến 6,1 %/năm.

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**b) Chứng khoán kinh doanh**

	30/06/2017			01/01/2017		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Tổng giá trị cổ phiếu	23.000.000.000	8.050.000.000	(14.950.000.000)	23.000.000.000	8.740.000.000	(14.260.000.000)
Công ty CP Thép Nhà Bè (1.150.000 cổ phiếu)	23.000.000.000	8.050.000.000	(14.950.000.000)	23.000.000.000	8.740.000.000	(14.260.000.000)
	<b>23.000.000.000</b>	<b>8.050.000.000</b>	<b>(14.950.000.000)</b>	<b>23.000.000.000</b>	<b>8.740.000.000</b>	<b>(14.260.000.000)</b>

Giá trị hợp lý của Chứng khoán kinh doanh đang được xác định dựa trên giá đóng cửa của cổ phiếu trên sàn UPCOM tại ngày 30/06/2017.

**c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>35.079.250.000</b>	<b>(26.547.856.433)</b>	<b>35.079.250.000</b>	<b>(26.407.360.353)</b>
- Công ty TNHH VNS DAEWOO	21.079.250.000	(12.547.856.433)	21.079.250.000	(12.407.360.353)
- Công ty Cổ phần Thép Tấm lá Thống Nhất	14.000.000.000	(14.000.000.000)	14.000.000.000	(14.000.000.000)
	<b>35.079.250.000</b>	<b>(26.547.856.433)</b>	<b>35.079.250.000</b>	<b>(26.407.360.353)</b>

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**Đầu tư vào đơn vị khác**

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty TNHH VNS DAEWOO	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	10%	10%	Kinh doanh thương mại sắt, thép các loại
- Công ty Cổ phần Thép Tấm lá Thống Nhất	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	7%	7%	Sản xuất kinh doanh thép tấm lá

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - VNSTEEL**

Số 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao,  
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>		
- Công ty Cổ Phần Thép Tấm Lá Thống Nhất	49.714.486.347	51.159.408.692
- Công ty Cổ Phần Thương Mại Thái Hưng	15.404.466.894	20.838.602.587
- Công ty TNHH W.K.K Việt Nam	10.075.461.420	10.170.162.261
- Các khoản phải thu khách hàng khác	166.259.456.272	135.323.770.405
	<b>241.453.870.933</b>	<b>217.491.943.945</b>
<b>b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>49.824.654.343</b>	<b>51.159.408.692</b>
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34.		

**6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
NEW ZEALAND STEEL LTD	31.866.839.589	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	5.855.780.691	-	4.096.220.183	-
	<b>37.722.620.280</b>	<b>-</b>	<b>4.096.220.183</b>	<b>-</b>

**7 . PHẢI THU KHÁC**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	461.306.111	-	656.140.000	-
Tạm ứng	264.556.000	-	35.247.684	-
Ký cược, ký quỹ	12.179.500.000	-	9.577.500.000	-
Các khoản được trợ giá	3.242.678.060	-	4.294.180.205	-
Phải thu lãi chậm trả	-	-	105.817.126	-
Chiết khấu thanh toán	424.641.800	-	322.349.249	-
Khoản quy trách nhiệm cho cá nhân	770.145.516	-	1.132.594.925	-
Phải thu khác	637.926.121	-	741.264.178	-
	<b>17.980.753.608</b>	<b>-</b>	<b>16.865.093.367</b>	<b>-</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
Ký cược, ký quỹ	264.000.000	-	264.000.000	-
	<b>264.000.000</b>	<b>-</b>	<b>264.000.000</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - VNSTEEL**Số 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao,  
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**8 . NỢ XẤU**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty TNHH Thép Bảo Tiến	2.419.171.005	1.209.585.502	2.529.171.005	1.770.419.703
- Công ty Cổ Phần Đầu Tư GoHome	408.219.451	122.465.835	408.219.451	122.465.835
- Công ty TNHH MTV Thép Nguyễn Huy	398.514.199	119.554.260	398.514.199	199.257.099
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Khánh Trường Minh	1.439.123.060	431.736.918	2.039.123.060	611.736.918
- Công ty TNHH Quang Giàu	-	-	4.860.571.223	3.402.399.856
- Các khoản khác	2.479.705.181	1.496.987.966	1.276.289.181	618.716.158
	<b>7.144.732.896</b>	<b>3.380.330.481</b>	<b>11.511.888.119</b>	<b>6.724.995.569</b>

**9 . HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	51.181.731	-	52.034.140	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	23.231.304	-
Hàng hoá	268.803.383.788	(15.471.306.277)	321.621.535.171	(15.810.948.874)
	<b>268.854.565.519</b>	<b>(15.471.306.277)</b>	<b>321.696.800.615</b>	<b>(15.810.948.874)</b>

**10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	28.097.184.773	30.537.340.213	5.567.359.756	504.132.146	977.700.831	65.683.717.719
- Mua trong kỳ	-	-	-	144.550.000	-	144.550.000
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>28.097.184.773</b>	<b>30.537.340.213</b>	<b>5.567.359.756</b>	<b>648.682.146</b>	<b>977.700.831</b>	<b>65.828.267.719</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	11.822.143.432	17.937.856.975	2.993.224.202	359.168.873	786.419.916	33.898.813.398
- Khấu hao trong kỳ	723.667.890	1.456.021.289	177.545.574	37.370.059	45.129.954	2.439.734.766
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>12.545.811.322</b>	<b>19.393.878.264</b>	<b>3.170.769.776</b>	<b>396.538.932</b>	<b>831.549.870</b>	<b>36.338.548.164</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	16.275.041.341	12.599.483.238	2.574.135.554	144.963.273	191.280.915	31.784.904.321
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>15.551.373.451</b>	<b>11.143.461.949</b>	<b>2.396.589.980</b>	<b>252.143.214</b>	<b>146.150.961</b>	<b>29.489.719.555</b>

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 5.108.186.855 đồng.

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	6.854.050.168	-	6.854.050.168
- Mua trong kỳ	-	504.000.000	504.000.000
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>6.854.050.168</b>	<b>504.000.000</b>	<b>7.358.050.168</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	1.047.146.562	-	1.047.146.562
- Khấu hao trong kỳ	95.195.142	126.000.000	221.195.142
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>1.142.341.704</b>	<b>126.000.000</b>	<b>1.268.341.704</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	5.806.903.606	-	5.806.903.606
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>5.711.708.464</b>	<b>378.000.000</b>	<b>6.089.708.464</b>

12 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư của Công ty là Nhà và thiết bị của hai tòa nhà số 189 Nguyễn Thị Minh Khai và số 193 Đinh Tiên Hoàng, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh với tổng nguyên giá tại 30/06/2017 là 145.463.787.768 đồng. Khấu hao trong kỳ của các tài sản này là 3.026.118.816 đồng, giá trị hao mòn lũy kế tại thời điểm 30/06/2017 là 44.203.109.762 đồng.

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Chi phí sửa chữa, thay vật tư thiết bị	32.625.000	-
Chi phí thuê văn phòng chi nhánh miền Tây	8.000.000	116.000.000
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	26.282.320	-
	<b>66.907.320</b>	<b>116.000.000</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Chi phí hỗ trợ mở đường 13, đổi tên giấy chứng nhận sở hữu kho Linh Trung	820.267.676	1.093.690.234
Chi phí xây dựng hệ thống đai ngộ 3P	161.423.610	-
Chi phí trợ cấp thôi việc	135.718.976	271.437.950
Chi phí trả trước dài hạn khác	25.925.907	103.638.929
	<b>1.143.336.169</b>	<b>1.468.767.113</b>



**14 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN NGẮN HẠN**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
- Công ty TNHH Thép Vina kyoei	27.667.607.159	27.667.607.159	27.908.530.457	27.908.530.457
- Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - Vnsteel	9.138.239.412	9.138.239.412	-	-
- Công ty Tôn Phương Nam	6.316.704.245	6.316.704.245	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	19.518.569.430	19.518.569.430	9.073.056.634	9.073.056.634
	<b>62.641.120.246</b>	<b>62.641.120.246</b>	<b>36.981.587.091</b>	<b>36.981.587.091</b>
<b>b) Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34.)</b>				
	<b>9.138.239.412</b>	<b>9.138.239.412</b>	<b>265.721.261</b>	<b>265.721.261</b>

**15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	46.253.007.735	46.253.007.735	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	241.410.310	241.410.310	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	2.166.825.228	6.391.346.683	5.551.260.467	-	3.006.911.444
Thuế Thu nhập cá nhân	-	240.041.626	895.677.004	1.214.203.498	78.484.868	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	2.599.285.500	202.919.136	-	2.396.366.364
Các loại thuế khác	-	-	11.000.000	11.000.000	-	-
	-	<b>2.406.866.854</b>	<b>56.391.727.232</b>	<b>53.473.801.146</b>	<b>78.484.868</b>	<b>5.403.277.808</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

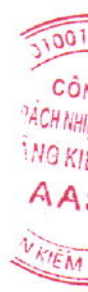
**16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	197.558.827	266.789.341
- Trích trước chi phí tiền điện, nước	18.131.672	18.740.000
- Trích trước chi phí giám định, giao nhận hàng hóa	1.404.196.630	765.915.125
- Tiền bảo lãnh ngân hàng, lãi ký quỹ khách hàng	5.625.000	13.625.000
- Trích trước chi phí đi nước ngoài	2.400.000.000	1.498.970.000
- Trích trước chi phí giao dịch cho nhân viên bán hàng	-	457.660.629
- Trích trước tiền thuê	240.000.000	-
- Chi phí phải trả khác	268.463.965	137.519.398
	<b>4.533.976.094</b>	<b>3.159.219.493</b>

**17 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Tài sản thừa chờ giải quyết	14.034.235	-
- Kinh phí công đoàn	55.161.200	36.761.610
- Bảo hiểm xã hội	-	279.080.495
- Bảo hiểm y tế	-	48.302.486
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	21.467.740
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	44.000.000	54.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	20.701.450	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	222.647.094	290.582.600
	<b>356.543.979</b>	<b>730.194.931</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (*)	21.050.648.978	23.181.346.456
	<b>21.050.648.978</b>	<b>23.181.346.456</b>

(\*) Khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn là khoản tiền đặt cọc thuê văn phòng của các khách hàng tại hai tòa nhà số 189 Nguyễn Thị Minh Khai và số 193 Đinh Tiên Hoàng, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Giá trị khoản đặt cọc thông thường tương ứng từ 3 đến 6 tháng tiền thuê nhà.



## 18 . VAY NGẮN HẠN

	01/01/2017		Trong kỳ		30/06/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh (1)	198.844.628.818	198.844.628.818	822.627.847.111	878.238.275.588	143.234.200.341	143.234.200.341
- Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh (2)	67.395.865.551	67.395.865.551	189.249.121.749	157.316.360.076	99.328.627.224	99.328.627.224
- Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng (3)	74.134.259.372	74.134.259.372	38.558.995.949	88.872.087.952	23.821.167.369	23.821.167.369
- Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Hồ Chí Minh (4)	19.750.815.848	19.750.815.848	18.594.907.622	19.752.015.848	18.593.707.622	18.593.707.622
- Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Chợ Lớn (5)	-	-	4.017.413.987	3.522.502	4.013.891.485	4.013.891.485
	<b>360.125.569.589</b>	<b>360.125.569.589</b>	<b>1.073.048.286.418</b>	<b>1.144.182.261.966</b>	<b>288.991.594.041</b>	<b>288.991.594.041</b>



**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

- (1) Hợp đồng tín dụng số 16.3000164/HĐTDHM/NHCT900 - KIMKHI ngày 01/12/2016, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 600 tỷ đồng;
  - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
  - + Thời hạn cho vay: ghi trên từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 06 tháng;
  - + Lãi suất cho vay: Lãi suất vay thả nổi;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 143.234.200.341 đồng;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.
- (2) Hợp đồng tín dụng số 01/2017/94697/HĐTD ngày 23/03/2017 và hợp đồng số 02/2017/94697/HĐTD ngày 05/05/2017, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 600 tỷ đồng;
  - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
  - + Thời hạn cho vay: Theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể/ cam kết bảo lãnh/L/C được mở;
  - + Lãi suất cho vay: Quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 99.328.627.224 đồng;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.
- (3) Hợp đồng tín dụng số 229/2016/HĐHM/CIB ngày 15/11/2016, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 150 tỷ đồng;
  - + Mục đích vay: Cho vay để thanh toán trực tiếp phục vụ cho hoạt động kinh doanh sắt thép, xi măng trong và ngoài nước, đóng thuế các loại ( trừ thuế TNDN), phát hành L/C (trả ngay và trả chậm); L/C trả chậm được phép thanh toán ngay (UPAS L/C) để nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ hoạt động kinh doanh sắt thép, xi măng;
  - + Thời hạn cho vay: không vượt quá 05 tháng theo từng lần nhận nợ;
  - + Lãi suất cho vay: Quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 23.821.167.369 đồng;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.
- (4) Hợp đồng tín dụng số 107/0916/CL/1024191 ngày 20/09/2016, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 40 tỷ đồng;
  - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, tài trợ các giao dịch nhập khẩu và mở bảo lãnh Ngân hàng;
  - + Thời hạn cho vay: không vượt quá 6 tháng kể từ ngày giải ngân;
  - + Lãi suất cho vay: Quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 18.593.707.622 đồng;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.
- (5) Hợp đồng tín dụng số 42/2016/HĐTDHM ngày 21/11/2016, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 11,76 tỷ đồng;
  - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh
  - + Thời hạn cho vay: không vượt quá 06 tháng kể từ ngày giải ngân;
  - + Lãi suất cho vay: Quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 4.013.891.485 đồng;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	210.000.000.000	37.225.230.000	60.535.503.997	1.773.466.830	(33.398.880.990)	276.135.319.837
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	27.599.788.272	27.599.788.272
Số dư cuối kỳ trước	210.000.000.000	37.225.230.000	60.535.503.997	1.773.466.830	(5.799.092.718)	303.735.108.109
Số dư đầu năm nay	210.000.000.000	37.225.230.000	60.535.503.997	1.773.466.830	29.257.750.616	338.791.951.443
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	28.639.461.298	28.639.461.298
Phân phối lợi nhuận	-	-	1.900.000.000	-	(29.257.750.616)	(27.357.750.616)
Tăng khác (*)	-	-	-	-	393.776.142	393.776.142
Số dư cuối kỳ này	210.000.000.000	37.225.230.000	62.435.503.997	1.773.466.830	29.033.237.440	340.467.438.267

(\*) Khoản giảm chi phí thuế TNDN năm 2016 theo quyết toán thuế năm 2016 điều chỉnh vào lợi nhuận chưa phân phối của 6 tháng đầu năm 2017.

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 251/NQ-ĐHĐCĐ ngày 01/04/2017, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2016 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	29.257.750.616
Trích Quỹ đầu tư phát triển	6,50%	1.900.000.000
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	14,55%	4.257.750.616
Chi trả cổ tức (bằng 11% vốn điều lệ)	78,95%	23.100.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - VNSTEEL**

Số 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao,  
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	55,67%	116.905.700.000	55,67%	116.905.700.000
Ông Trần Linh Phong	5,40%	11.340.000.000	5,40%	11.340.000.000
Các cổ đông khác	38,93%	81.754.300.000	38,93%	81.754.300.000
	<b>100%</b>	<b>210.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>210.000.000.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	210.000.000.000	210.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	210.000.000.000	210.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	210.000.000.000	210.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	23.100.000.000	-
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	23.100.000.000	-

**d) Cổ phiếu**

	30/06/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	21.000.000	21.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	21.000.000	21.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	21.000.000	21.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.000.000	21.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	21.000.000	21.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ công ty**

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Quỹ đầu tư phát triển	62.435.503.997	60.535.503.997
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.773.466.830	1.773.466.830
	<b>64.208.970.827</b>	<b>62.308.970.827</b>

**20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Doanh thu bán hàng	1.145.274.010.276	1.281.182.075.957
Doanh thu cung cấp dịch vụ	30.107.603.877	28.905.275.159
	<b>1.175.381.614.153</b>	<b>1.310.087.351.116</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - VNSTEEL**Số 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao,  
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**21 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	-	204.513.100
Hàng bán bị trả lại	-	284.751.150
Giảm giá hàng bán	467.392.210	-
	<b>467.392.210</b>	<b>489.264.250</b>

**22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.095.108.781.964	1.228.409.772.580
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	14.473.474.087	4.909.482.547
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(339.642.597)	(1.896.406.532)
	<b>1.109.242.613.454</b>	<b>1.231.422.848.595</b>

**23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	871.131.722	1.002.736.605
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	4.479.441.515	5.857.935.571
Cổ tức, lợi nhuận được chia	690.000.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	1.453.965.128	107.511.137
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	5.423.780
Doanh thu hoạt động tài chính khác	290.979.022	-
	<b>7.785.517.387</b>	<b>6.973.607.093</b>

**24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	5.710.104.335	13.951.577.283
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	587.199.665	688.373.712
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	63.496.188	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	830.496.080	4.164.422.308
	<b>7.191.296.268</b>	<b>18.804.373.303</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - VNSTEEL**Số 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao,  
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**25 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	289.968.356	204.099.582
Chi phí nhân công	12.242.441.811	12.416.349.837
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.948.138.256	2.619.315.312
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.819.151.553	8.775.740.758
Chi phí khác bằng tiền	1.443.978.335	5.625.373.899
	<b><u>23.743.678.311</u></b>	<b><u>29.640.879.388</u></b>

**26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	166.861.825	49.454.340
Chi phí nhân công	3.030.035.858	5.799.963.329
Thuế, phí, lệ phí	19.645.727	36.988.316
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	(1.022.490.135)	1.828.060.965
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.113.663.992	593.840.574
Chi phí khác bằng tiền	2.230.040.880	2.333.095.679
	<b><u>7.537.758.147</u></b>	<b><u>10.641.403.203</u></b>

**27 . THU NHẬP KHÁC**

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	1.422.248.819
Tiền phạt thu được	68.989.285	2.000.000
Thu hồi nợ khó đòi đã xử lý	145.500.000	-
Thu nhập khác	228.336.353	125.068.579
	<b><u>442.825.638</u></b>	<b><u>1.549.317.398</u></b>

**28 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	35.424.584.123	27.599.788.272
Các khoản điều chỉnh giảm	(1.498.970.000)	(27.599.788.272)
- Chuyển lỗ các năm trước	-	(27.599.788.272)
- Các khoản khác	(1.498.970.000)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	33.925.614.123	-
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>6.785.122.825</b>	<b>-</b>
Khoản điều chỉnh thuế TNDN của các năm trước làm giảm thuế TNDN phải nộp đến 30/06/2017	(393.776.142)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	2.166.825.228	(852.665.437)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(5.551.260.467)	(863.925.455)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ</b>	<b>3.006.911.444</b>	<b>(1.716.590.892)</b>

**29 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	28.639.461.298	27.599.788.272
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	28.639.461.298	27.599.788.272
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	21.000.000	21.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.364</b>	<b>1.314</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

**30 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	613.684.760	253.553.922
Chi phí nhân công	18.919.437.263	18.216.313.166
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.687.048.724	5.717.269.584
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.814.248.925	10.306.506.048
Chi phí khác bằng tiền	4.877.316.913	10.698.122.418
<b>Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố</b>	<b>46.911.736.585</b>	<b>45.191.765.138</b>

**31 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.738.817.872	-	31.242.920.955	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	259.698.624.541	(3.764.402.415)	234.621.037.312	(4.786.892.550)
Đầu tư ngắn hạn	23.000.000.000	(14.950.000.000)	23.000.000.000	(14.260.000.000)
Cho vay ngắn hạn	27.000.000.000	-	20.800.000.000	-
Đầu tư dài hạn	35.079.250.000	(26.547.856.433)	35.079.250.000	(26.407.360.353)
Cho vay dài hạn	-	-	12.000.000.000	-
	<b><u>350.516.692.413</u></b>	<b><u>(45.262.258.848)</u></b>	<b><u>356.743.208.267</u></b>	<b><u>(45.454.252.903)</u></b>

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	288.991.594.041	360.125.569.589
Phải trả người bán, phải trả khác	84.048.313.203	60.893.128.478
Chi phí phải trả	4.533.976.094	3.159.219.493
	<b><u>377.573.883.338</u></b>	<b><u>424.177.917.560</u></b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro về giá:**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 30/06/2017</b>				
Đầu tư ngắn hạn	8.050.000.000	-	-	8.050.000.000
Đầu tư dài hạn	-	8.531.393.567	-	8.531.393.567
	<b>8.050.000.000</b>	<b>8.531.393.567</b>	<b>-</b>	<b>16.581.393.567</b>
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>				
Đầu tư ngắn hạn	8.740.000.000	-	-	8.740.000.000
Đầu tư dài hạn	-	8.671.889.647	-	8.671.889.647
	<b>8.740.000.000</b>	<b>8.671.889.647</b>	<b>-</b>	<b>17.411.889.647</b>

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 30/06/2017</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.738.817.872	-	-	5.738.817.872
Phải thu khách hàng, phải thu khác	255.670.222.126	264.000.000	-	255.934.222.126
Các khoản cho vay	27.000.000.000	-	-	27.000.000.000
	<b>288.409.039.998</b>	<b>264.000.000</b>	<b>-</b>	<b>288.673.039.998</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - VNSTEEL**Số 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao,  
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**Tại ngày 01/01/2017**

Tiền và các khoản tương đương tiền	31.242.920.955	-	-	31.242.920.955
Phải thu khách hàng, phải thu khác	229.570.144.762	264.000.000	-	229.834.144.762
Các khoản cho vay	20.800.000.000	12.000.000.000	-	32.800.000.000
	<b>281.613.065.717</b>	<b>12.264.000.000</b>	<b>-</b>	<b>293.877.065.717</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 30/06/2017</b>				
Vay và nợ	288.991.594.041	-	-	288.991.594.041
Phải trả người bán, phải trả khác	62.997.664.225	21.050.648.978	-	84.048.313.203
Chi phí phải trả	4.533.976.094	-	-	4.533.976.094
	<b>356.523.234.360</b>	<b>21.050.648.978</b>	<b>-</b>	<b>377.573.883.338</b>
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>				
Vay và nợ	360.125.569.589	-	-	360.125.569.589
Phải trả người bán, phải trả khác	37.711.782.022	23.181.346.456	-	60.893.128.478
Chi phí phải trả	3.159.219.493	-	-	3.159.219.493
	<b>400.996.571.104</b>	<b>23.181.346.456</b>	<b>-</b>	<b>424.177.917.560</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**32 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**33 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm kinh doanh mua bán kim khí, phế liệu và sản phẩm kim loại. Hoạt động cung cấp dịch vụ cho thuê kho bãi, văn phòng và kinh doanh bất động sản đầu tư chiếm tỷ trọng không trọng yếu trong tổng doanh thu của Công ty. Công ty cũng chưa tổ chức cơ cấu theo các bộ phận. Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh chính được trình bày tại Thuyết minh số 20 và 22 phần Thuyết minh báo cáo tài chính. Về mặt địa lý, Công ty chủ yếu hoạt động kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam.

Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo tài chính bộ phận trong Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2017 là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

**34 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

Mối quan hệ	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm	
	2017	2016	
	VND	VND	
<b>Bán hàng</b>	<b>51.887.720.053</b>	<b>93.602.832.910</b>	
Công ty CP Thép VICASA - VNSTEEL	Cùng Công ty mẹ	694.572.001	1.743.033.533
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - Vnsteel	Cùng Công ty mẹ	-	18.227.659.000
Công ty CP Thép Thủ Đức	Cùng Công ty mẹ	3.135.923.056	380.329.958
Công ty CP Thép Tấm lá Thống Nhất	Công ty liên kết của Công ty mẹ	40.969.558.850	73.251.810.419
Công ty Cổ phần Kim khí Miền Trung	Cùng Công ty mẹ	7.087.666.146	-
<b>Mua hàng</b>	<b>232.678.995.564</b>	<b>295.829.864.294</b>	
Công ty TNHH MTV Thép Tấm lá Phú Mỹ - Vnsteel	Cùng Công ty mẹ	5.698.151.188	7.078.730.504
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - Vnsteel	Cùng Công ty mẹ	208.840.852.655	288.751.133.790
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ	265.721.261	-
Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè	Cùng Công ty mẹ	560.755.560	-
Công ty CP Thép Tấm lá Thống Nhất	Công ty liên kết của Công ty mẹ	17.313.514.900	-

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

Mối quan hệ	30/06/2017	01/01/2017	
	VND	VND	
<b>Phải thu ngắn hạn khách hàng</b>	<b>49.824.654.343</b>	<b>51.159.408.692</b>	
Công ty CP Thép Tấm lá Thống Nhất	Công ty liên kết của Công ty mẹ	49.714.486.347	51.159.408.692
Công ty CP Thép Thủ Đức	Cùng Công ty mẹ	110.167.996	-
<b>Ứng trước cho nhà cung cấp</b>	<b>39.119.997</b>	<b>45.508.855</b>	
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - Vnsteel	Cùng Công ty mẹ	-	45.508.855
Công ty TNHH MTV Thép Tấm lá Phú Mỹ - Vnsteel	Cùng Công ty mẹ	39.119.997	-
<b>Phải thu khác</b>	<b>1.351.793.920</b>	<b>1.205.231.549</b>	
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - Vnsteel	Cùng Công ty mẹ	1.351.793.920	1.205.231.549
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>9.138.239.412</b>	<b>265.721.261</b>	
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ	-	265.721.261
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - Vnsteel	Cùng Công ty mẹ	9.138.239.412	-
<b>Ký cược, ký quỹ</b>	<b>5.179.500.000</b>	<b>2.577.500.000</b>	
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - Vnsteel	Cùng Công ty mẹ	5.179.500.000	2.577.500.000
<b>Nhận ký cược, ký quỹ</b>	<b>27.515.700</b>	<b>27.515.700</b>	
Công ty CP Thép Tấm lá Thống Nhất	Công ty liên kết của Công ty mẹ	27.515.700	27.515.700

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - VNSTEEL**Số 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao,  
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	853.200.000	862.406.318

**35 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC soát xét.

---

**Nguyễn Thị Hồng Mây**  
 Người lập

---

**Võ Thị Lệ Châu**  
 Kế toán trưởng

---

**Đặng Huy Hiệp**  
 Tổng Giám đốc

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 07 năm 2017